

Số: /2022/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ
và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường
trên địa bàn tỉnh Hòa Bình**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật
ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ
sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

*Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính
phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ
về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và định mức kinh
tế, kỹ thuật về công tác thu nhận lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài
nguyên và môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
281/TTr-STNMT ngày 19 tháng 8 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 9 năm 2022 và thay thế Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (PMD).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Bùi Văn Khánh

QUY CHẾ

Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình
(Kèm theo Quyết định số ... /2022/QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ, viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường); cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

b) Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính Phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Nghị định số 73/2017/NĐ-CP); Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện công tác thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 2. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình bao gồm các thông tin, dữ liệu theo quy định tại Điều 4, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP (*trừ thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường biển và hải đảo*).

Điều 3. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 4. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường do Nhà nước quản lý được ngân sách nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật. Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường lập dự toán kinh phí theo quy định, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II **THU THẬP, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU** **TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 5. Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

Điều 6. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Hình thức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thu thập, tạo lập thông tin, dữ liệu tài nguyên

và môi trường trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trong thời hạn một (01) năm kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Văn phòng Đăng ký đất đai*) đối với cấp tỉnh và giao nộp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố đối với cấp huyện: 01 (*một*) bộ dạng điện tử, 01 (*một*) bộ gốc in trên giấy và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường (*qua Văn phòng Đăng ký đất đai*) đối với cấp tỉnh và cung cấp cho Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố đối với cấp huyện để xây dựng, cập nhật danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp.

Điều 7. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu

1. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu phải tuân thủ các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 8. Lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thu thập được phải kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu khai thác và sử dụng.

2. Công tác lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo đúng quy định tại Luật Lưu trữ và các quy định, quy trình kỹ thuật tại Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp tỉnh.

4. Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố thực hiện lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cấp huyện.

Điều 9. Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình là tập hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, quản lý và lưu trữ.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Hòa Bình được xây dựng phải phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam và Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh.

3. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Cơ sở dữ liệu phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

5. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 10. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu.

Điều 11. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý, vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin, dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai làm nhiệm vụ bảo đảm an toàn cơ sở dữ liệu, thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin, quản lý rủi ro và các biện pháp phù hợp để bảo đảm an toàn thông tin.

Chương III KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 12. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình, Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố theo quy định.

Điều 13. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo các quy định tại Điều 16, Điều 17, Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 14. Thẩm quyền cung cấp và đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng được phép khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường: Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trực tiếp đến thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Chương IV

**KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ**

Điều 15. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo các quy định tại Điều 21 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Phối hợp kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường

Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử do cơ quan quản lý với các Bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Điều 17. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (*phải qua các bước phân tích, xử lý*). Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG VIỆC THU THẬP, QUẢN LÝ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 18. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm.

b) Chi đạo Văn phòng Đăng ký đất đai

- Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tiến hành thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

- Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh, các tỉnh, thành phố và các Bộ, ngành.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

- Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

c) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh và công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình và Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường.

d) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh.

đ) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

Hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu bảo đảm thông suốt và an toàn thông tin theo quy định.

4. Các Sở, Ban, ngành

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các Sở, Ban, ngành có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, thực hiện lập danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do cơ quan đang quản lý, gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 4 hàng năm để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm; giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 2, Điều 6 Quy chế này; cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh (theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh hàng năm.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn giao nộp thông tin, dữ liệu và cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thành phố hàng năm theo quy định.

c) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Xây dựng, trình Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố hàng năm.

- Cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

- Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố.

- Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố (*theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT*) gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 30 tháng 11 hàng năm.

6. Tổ chức, cá nhân

Tổ chức, cá nhân giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đối với thông tin, dữ liệu được thu thập, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước.

Gửi thông báo tới Sở Tài nguyên và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp (*theo Mẫu số 01 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP*).

Điều 19. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm trả phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định tại khoản 2, Điều 4 Quy chế này.

2. Thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP.

**Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH****Điều 20. Quy định chuyển tiếp**

Các thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được điều tra, xây dựng bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hòa Bình trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với những thông tin, dữ liệu đã được nghiệm thu, đánh giá thì các cơ quan, tổ chức đang quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm cung cấp toàn bộ thông tin, dữ liệu đó cho Sở Tài nguyên và Môi trường. Thời hạn cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường hoàn thành chậm nhất là 06 tháng, kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

2. Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đang triển khai thực hiện thì tổ chức, cá nhân giao nộp cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 21. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.
